TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1998; có đơn xin xử vắng mặt
HKTT: Thôn T, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Hiện ở: Thôn A, xã D, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1993; vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1952; cư trú tại: Thôn T, xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; xin xử vắng mặt

- Bà Trịnh Thị N2, sinh năm 1973; cư trú tại: Thôn A, xã D, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; xin xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh H kết hôn ngày 01/9/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh H chơi bời không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí nhiều lần anh H còn đánh chị. Từ cuối năm 2018 đến nay, chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09/11/2018. Cháu T đang ở cùng với chị và ông bà ngoại. Chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của gia đình anh H, gia đình chị N cũng như tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị N đã nảy sinh mâu thuẫn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Ngoài ra, mẹ đẻ chị N là bà N1 còn ý kiến đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ chị N nuôi cháu T; còn ông N2 là ông ngoại của anh H ý kiến đề nghị giao con chung cho chị N nuôi dưỡng vì hiện nay anh H không có công việc ổn định, mẹ anh H bị tâm thần, vợ chồng ông thì đã già yếu nên không có điều kiện chăm sóc cho cháu T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị N ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09/11/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh H, chị N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, anh H chưa tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết xin ly hôn với anh H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị N ly hôn anh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị N, anh H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09/11/2018. Xét chị N có nguyện vọng xin nuôi con, gia đình anh H cũng đề nghị giao con cho chị N nuôi dưỡng; mặt khác cháu T tính đến ngày xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo nguyên tắc của luật Hôn nhân và gia đình, con sẽ được giao cho mẹ là chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, yêu cầu xin nuôi con của chị Nlà có cơ sở, được HĐXX chấp nhận. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 09/11/2018 cho chị Vũ Thị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001818 ngày

04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Chị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung